

Số: 09 /BC-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2023

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (KCNC) là một trong ba khu công nghệ cao quốc gia do Chính phủ thành lập năm 2002 theo Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002, trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô 913,1633 ha (Giai đoạn I: 326,09223 ha; Giai đoạn II: 587,0711 ha) tọa lạc tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, có vai trò là một khu kinh tế - kỹ thuật được xây dựng bằng vốn ngân sách và phát triển trên cơ sở công nghệ cao, tập trung ưu tiên vào 04 mũi nhọn gồm: (i) Vi điện tử - Công nghệ thông tin - Viễn thông; (ii) Cơ khí chính xác - Tự động hóa; (iii) Công nghệ sinh học áp dụng trong dược phẩm và môi trường; (iv) Năng lượng mới - Vật liệu mới - Công nghệ Nano.

- Địa chỉ: Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028.3.7360.293

Fax: 028.3.7360.292

- Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Thi – Trưởng ban

Về công tác bảo vệ môi trường, KCNC đã được:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCNC Thành phố Hồ Chí Minh” tại Quyết định số 333/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2004 và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn II, diện tích 587,07 ha” tại Quyết định số 2305/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2011.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 544/GP-BTNMT ngày 08 tháng 3 năm 2019, công suất xả thải là 9.000m³/ngày.đêm.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến và các vấn đề môi trường

a) Tổng diện tích đất, đất công nghiệp, cây xanh; tỷ lệ lấp đầy; chất lượng môi trường không khí, đất, nước

- Tổng diện tích đất, mặt nước, cây xanh, tỷ lệ lấp đầy: KCNC có tổng diện tích đất là 913,1633 ha, trong đó diện tích khu cây xanh – mặt nước có tỷ lệ 18,8%, Khu vực chức năng gồm: Sản xuất, công nghiệp hỗ trợ, nghiên cứu phát triển, đào tạo vườn ươm, ... có tỷ lệ lấp đầy khoảng 87,92%. Hiện nay, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý KCNC) đang trong quá trình vừa thu hút đầu tư vừa xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật để đạt đúng tỷ lệ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chất lượng môi trường không khí, đất, nước: Trong năm 2023, Ban Quản lý KCNC không thực hiện giám sát chất lượng môi trường không khí, đất, nước mặt trong KCNC. Lý do: Căn cứ:

+ Khoản 2 Điều 106 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

"2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải ra môi trường phải thực hiện quan trắc theo quy định tại Điều 111 và Điều 112 của Luật này."

+ Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Quan trắc nước thải.

+ Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp.

Theo các quy định trên, Ban Quản lý KCNC chỉ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải tại đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC trước khi xả ra ngoài môi trường, không thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước ngầm, không khí, nước mặt, thủy sinh, đất, bùn đáy, sạt lở bờ sông và bồi lắng dòng sông.

Ban Quản lý KCNC đã xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện quan trắc môi trường xung quanh KCNC tại Công văn số 1184/KCNC-QHXDMT ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC" và Công văn số 77/KCNC-QHXDMT ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc đề nghị hướng dẫn thủ tục môi trường đối với Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC" theo Công văn số 1184/KCNC-QHXDMT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ban Quản lý KCNC. Hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có ý kiến hướng dẫn nội dung này.

b) Quy mô, tính chất của các nguồn ô nhiễm môi trường

Tính đến nay, KCNC đã có 161 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó tổng số dự án đang hoạt động tại KCNC là 112 dự án chiếm 67,57%, 49 dự án chưa đi vào hoạt động chiếm 30,43%. Các lĩnh vực hoạt động trong KCNC bao gồm: vi điện tử-công nghệ thông tin-viễn thông, cơ khí chính xác và tự động hóa, công nghệ sinh học, năng lượng mới-vật liệu mới và 06 Nhà đầu tư đang hoạt động loại hình cho thuê nhà xưởng, gồm:

- Công ty TNHH TLD Hi-Tech;
- Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành;
- Công ty TNHH MTV Phát triển KCNC;

- Công ty TNHH Ascendas Saigon Bund;
- Công ty TNHH Vivian Shuim;
- Công ty TNHH Sacom- Chíp Sáng.

c) Quy mô, tính chất của chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

- Nước thải

Toàn bộ nguồn nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) đều được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn quy định của KCNC (ban hành theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý KCNC) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải (NMXLNT) tập trung của KCNC.

Tổng lượng nước thải năm 2023 phát sinh từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC là 1.915.136 m³ (tính theo 80% nước cấp), công suất xử lý trung bình tại NMXLNT tập trung khoảng 4.448,3 m³/ngày.đêm (lưu lượng nước thải thực tế về NMXLNT).

Số cơ sở đầu nối tương ứng với lượng nước thải xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung: 87 Doanh nghiệp.

Số cơ sở được miễn trừ đầu nối tương ứng với lượng nước thải tự xử lý: Không có.

Số cơ sở không/chưa đầu nối theo quy định tương ứng với lượng nước thải phát sinh: Không có.

- Chất thải rắn và chất thải nguy hại

Tổng nguồn chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC được thống kê như sau:

Tình hình phát sinh chất thải rắn	Kết quả
Chất thải rắn sinh hoạt	3.189,4 tấn và 1.331,3 m ³
Chất thải rắn công nghiệp thông thường	33.746, 139 tấn
Chất thải rắn nguy hại	8.891, 96 tấn
Bùn thải (từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của NMXLNT)	68,26 tấn

- Khí thải từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC

TT	Tên doanh nghiệp	Có hệ thống xử lý khí thải
1	Công Ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	✓
2	Công Ty Cổ phần CTCBIO Việt Nam	✓
3	Công Ty TNHH MTV Daeyoung Electronics Vina	✓
4	Công Ty Nidec Copal Precision Việt Nam	✓

5	Công Ty TNHH Intel Products Việt Nam	✓
6	Chi Nhánh Số 1 Công Ty Cổ phần Công Nghệ Nano BSB	✓
7	Công ty TNHH EPS Vina Hi-Tech	✓
8	Công Ty TNHH Jabil Việt Nam	✓
9	Công Ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam	✓
10	Trung Tâm Phân Tích Thí Nghiệm Và Văn Phòng –Viện Dầu Khí Việt Nam	✓
11	Công Ty TNHH New – Hanam	✓
12	Công Ty Cổ phần Công Nghệ Kỹ Thuật Tự Động Hải Nam	✓
13	Công Ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng	✓
14	Công Ty Cổ phần Nhà Máy Trang Thiết Bị Y Tế Usm Healthcare	✓
15	Công Ty TNHH Platel Vina	✓
16	Công Ty Cổ phần Oristar	✓
17	Công Ty TNHH Nidec Servo Việt Nam	✓
18	Công Ty TNHH Mekophar	✓
19	Công Ty TNHH Nidec Việt Nam	✓
20	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Dược Nanogen	✓
21	Công ty TNHH Điện tử Samsung CE Complex	✓
22	Công ty TNHH Sonion Việt Nam	✓
23	Công ty Cổ phần bóng đèn Điện Quang	✓
24	Nhà máy Nipro Việt Nam	✓
25	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh	✓

Khí thải từ các doanh nghiệp được thu gom và xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường qua ống khói hoặc ống xả, thành phần khí thải chủ yếu là bụi, SO_x, CO, NO_x, và các hợp chất bay hơi như Toluene, Xylen, Aceton, THC,... Định kỳ hàng năm, Ban Quản lý KCNC tổ chức đấu thầu rộng rãi để chọn đơn vị tư vấn có năng lực và kinh nghiệm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các doanh nghiệp một lần/doanh nghiệp trong năm. Tuy nhiên trong năm 2023, Ban Quản lý KCNC gặp nhiều khó khăn trong công tác lập dự toán để thực hiện nội dung công việc này. Nguyên nhân: Ủy ban nhân dân Thành phố chưa ban hành đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn Thành phố thay thế cho bộ đơn giá được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2015 và cũng chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng tạm thời hoặc hướng dẫn tự xây dựng bộ đơn giá; Ban Quản lý KCNC cũng không có chức năng để tự xây dựng đơn giá cho quan trắc môi trường; Để thực hiện, Ban Quản lý KCNC phải thuê đơn vị bên ngoài để thực hiện công tác này, việc thuê đơn vị xây dựng đơn giá quan trắc gặp khó khăn về kinh phí. Do đó, ngày 27 tháng 6 năm 2023, Ban Quản lý KCNC đã có Công văn số 710/KCNC-QHXDMT kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn cụ thể về việc xác định đơn giá quan trắc môi và phân tích môi trường để Ban Quản lý KCNC có cơ sở xây dựng dự toán hoạt động sự nghiệp môi trường.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 6755/STNMT-KHTC, theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn áp dụng “Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường; Công văn số 1853/BTNMT-KHTC ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến về vướng mắc trong quá trình áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT”. Tuy nhiên việc thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường cũng gặp khó khăn tương tự như nêu trên. Do đó, trong năm 2023 Ban Quản lý KCNC không lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải và không khí phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCNC.

2. Tình hình và kết quả công tác bảo vệ môi trường

a) Tổ chức bộ máy và nguồn lực

Ban Quản lý KCNC có bộ phận quản lý môi trường thuộc Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, số cán bộ được đào tạo chuyên ngành về môi trường làm công tác về bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý KCNC có 04 nhân sự bao gồm 01 Lãnh đạo và 03 Chuyên viên có chuyên môn về bảo vệ môi trường được phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu các quy định pháp luật, thực hiện công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường, thụ lý, giải quyết các vướng mắc, khó khăn về môi trường của các dự án đầu tư trong KCNC và tham mưu Ban Quản lý KCNC tổ chức triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường trong KCNC. Hàng năm, bộ phận chuyên trách về môi trường được tham gia các lớp tập huấn để nâng cao năng lực quản lý, yêu cầu tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về môi trường trong KCNC. Ngoài ra, Ban Quản lý KCNC còn có đơn vị quản lý hạ tầng chịu trách nhiệm vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC, kiểm soát việc thu gom nước thải, thực hiện các dịch vụ hạ tầng liên quan đến môi trường trong KCNC.

b) Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định

- Số lượng kế hoạch, chương trình về bảo vệ môi trường được ban hành trong năm 2023:

+ Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 – 2030 (Quyết định số 1055) và thực hiện theo Kế hoạch số 877/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 – 2030 (Kế hoạch số 877). Trong năm 2023, Ban Quản lý KCNC đã xây dựng và triển khai một số nội dung như sau:

✓ Kế hoạch số 11/KH-KCNC ngày 15 tháng 3 năm 2023 tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường trong KCNC năm 2023.

✓ Công văn số 362/KCNC-QHXDMT ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường trong KCNC năm 2023.

✓ Kế hoạch số 17/KH-KCNC ngày 12 tháng 4 năm 2023 về thực hiện Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020-2030 trong năm 2023 tại KCNC.

✓ Công văn số 538/KCNC-QHXDMT ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 – 2023.

✓ Công văn số 1526/KCNC-QHXDMT ngày 05 tháng 02 năm 2023 của Ban Quản lý KCNC về việc báo cáo kết quả Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020-2030, trong năm 2023 tại KCNC.

+ Quyết định số 277/QĐ-KCNC ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Ban Quản lý KCNC năm 2023 (thực hiện theo Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường).

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoàn thành các thủ tục về môi trường: Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hiện trong KCNC có 07 doanh nghiệp đã có Giấy phép môi trường¹ và một số dự án đã thực hiện đăng ký môi trường tại UBND cấp huyện² (Ban Quản lý KCNC đang tổng hợp thông tin).

- Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được kiểm tra về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023, Ban Quản lý KCNC đã chủ trì phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường – Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Phòng PC03 – Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra 22 đơn vị, doanh nghiệp trong KCNC (theo Quyết định số 286/QĐ-KCNC ngày 17 tháng 11 năm 2023, Quyết định số 288/QĐ-KCNC ngày 23 tháng 11 năm 2023, Quyết định số 290/QĐ-KCNC ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định số 308/QĐ-KCNC ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý KCNC về kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong KCNC năm 2023).

- Số lượng, tỷ lệ vụ việc khiếu kiện về bảo vệ môi trường được giải quyết: Trong năm 2023, KCNC không có trường hợp khiếu kiện về bảo vệ môi trường.

c) Tình hình thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải; quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải; quản lý chất thải rắn; kiểm soát khí thải, quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

¹ Công ty Ismart City, Công ty Echigo, Công ty Jabil, Công ty Sanofi, Công ty Air Liquide, Công ty Intel, Công ty Sack Ký Hải Đăng

² JV Vina, Nhà xưởng TLD Hi-tech, Sacom Chíp sáng, MK, PV Gas, FPT, ...

- Tình hình thu gom, thoát nước mưa: KCNC tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhằm đảm bảo nước mưa và nước thải trong KCNC được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của Thành phố.

- Tình hình thu gom, thoát nước; thu gom, xử lý nước thải

+ Quá trình xây dựng công trình xử lý nước thải

Hiện nay, KCNC đã được đầu tư xây dựng các công trình xử lý thuộc Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC (NMXLNT) với tổng công suất 9.000m³/ngày đêm bao gồm: NMXLNT Giai đoạn I với công suất 5.000m³/ngày.đêm và Module 1 thuộc NMXLNT Giai đoạn II với công suất 4.000m³/ngày.đêm. Module 2,3 thuộc NMXLNT với công suất 8.000m³/ngày.đêm đang được thi công xây dựng để đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của tất cả các Nhà đầu tư trong KCNC.

+ Quá trình đầu nối thu gom, tiếp nhận nước thải

Toàn bộ nước thải từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC được NMXLNT tiếp nhận sau khi dự án được Ban Quản lý KCNC chấp thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật từ dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của KCNC theo đúng Quy trình đầu nối hạ tầng kỹ thuật từ các dự án thành phần với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của KCNC được ban hành kèm theo Quyết định số 205/QĐ-KCNC ngày 05 tháng 7 năm 2017.

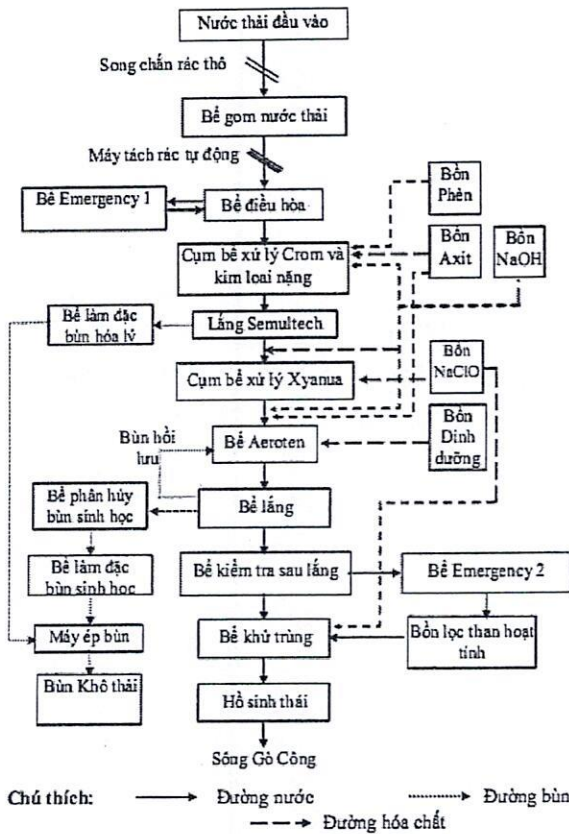
+ Quá trình xử lý nước thải:

Nước thải từ các doanh nghiệp trong KCNC đều thu gom và được xử lý sơ bộ nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn chất lượng đầu vào NMXLNT của KCNC theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý KCNC, sau đó, toàn bộ nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCNC.

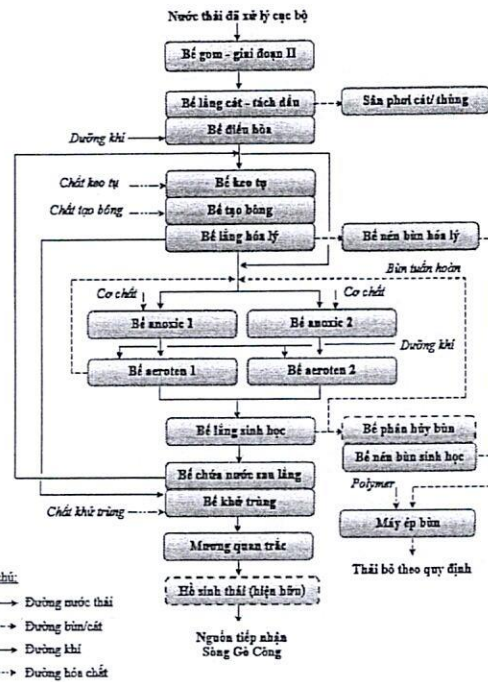
Nước thải phát sinh trong KCNC sau khi được thu gom và xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ theo đúng nội dung giấy phép xả nước thải được cấp.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCNC:

Công trình xử lý nước thải: NMXLNT có chức năng xử lý nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp hoạt động trong KCNC với công suất thiết kế 9.000 m³/ngày đêm (bao gồm NMXLNT Giai đoạn I công suất 5.000 m³/ngày đêm và NMXLNT Giai đoạn II – Module 1 công suất 4.000 m³/ngày đêm).



Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải Giai đoạn 1
(5.000 m³/ngày đêm)



Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải Giai đoạn 2 -
Module 1 (4.000 m³/ngày đêm)

Phương thức vận hành hệ thống xử lý nước thải: NMXLNT được vận hành liên tục.

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công ty hoạt động trong KCNC đều được hòa lẫn với nước thải công nghiệp khi xả thải về NMXLNT. Do đó, không tách riêng được lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất; Tổng lưu lượng được phê duyệt theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

STT	Năm	Lưu lượng trung bình	Lưu lượng	Giấy phép xả thải
01	2021	4.835 m³/ngày đêm	1.764.747 m³	9.000 m³/ngày đêm
02	2022	5.298,8 m³/ngày đêm	1.934.075 m³	
03	2023	4.448,3 m³/ngày đêm	1.915.136 m³	

Số ngày vận hành trong năm: 365 ngày.

Lượng điện năng tiêu thụ cho việc vận hành NMXLNT tập trung: 900.460 kWh/năm.

Lượng bùn thải phát sinh: Trong năm 2023, NMXLNT đã chuyển giao xử lý 68,26 tấn bùn thải nguy hại phát sinh mới. Đối với lượng bùn thải tồn đọng của các năm trước, ước tính khoảng 2.270 m³ đang được tạm chứa tại Bể Phân

hủy bùn của NMXLNT, NMXLNT đã lập kế hoạch ép và dự kiến chuyển giao xử lý trong năm 2024.

+ Kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục

d) Thông tin chung về hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Hiện nay, NMXLNT tập trung có 02 trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý đã được lắp đặt gồm: trạm quan trắc nội bộ và trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trạm quan trắc tự động nội bộ:

+ Vị trí đặt hệ thống: sau bể khử trùng của NMXLNT Giai đoạn I và NMXLNT Giai đoạn II – Module 1, trước hồ sinh thái hiện hữu. Tọa độ vị trí hút mẫu $10^{\circ}50'29,5''$, $106^{\circ}48'59,7''$. Mẫu nước sẽ được bơm về nhà trạm để tiến hành đo.

+ NMXLNT đã được đầu tư 01 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục nội bộ để phục vụ cho công tác vận hành NMXLNT. Trạm quan trắc tự động, liên tục nội bộ được đầu tư và đưa vào sử dụng năm 2018.

+ Nguồn thải được giám sát là NMXLNT với công suất $9.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Lưu lượng xả thải trung bình là: $4.448,3 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Tần suất thu nhận dữ liệu: Liên tục.

+ Danh mục các thông số quan trắc:

STT	Thông số quan trắc	QCVN 40:2011/BTNMT
01	Nhiệt độ	40°C
02	pH	6-9
03	TSS	40,5
04	COD	60,75
05	DO	-
06	Tổng Nitơ	16,2
07	Tổng Phospho	3,24
08	Lưu lượng	-

Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 6748/STNMT-CCBVMТ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về thông báo kết quả kiểm tra việc thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của KCNC, trạm quan trắc nội bộ còn một số tồn tại như sau:

- Chưa có bộ thiết bị lấy mẫu tự động để lấy và lưu mẫu nước khi một trong những thông số được giám sát vượt ngưỡng quy chuẩn cho phép;

- Chưa trang bị hệ thống camera giám sát;

- Các thiết bị chưa được hiệu chuẩn theo quy định, chưa thực hiện quan trắc đối chứng;

- Chưa có giấy chứng nhận kèm theo báo cáo kết quả kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc của hệ thống;

- Chưa có biên bản kiểm tra độ chính xác tương đối của hệ thống;
- Chưa truyền dữ liệu tự động và liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Nguyên nhân: Trạm quan trắc nước thải tự động nội bộ được đầu tư năm 2018 (cùng với thời điểm xây dựng NMXLNT – Giai đoạn II – Module 1) từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trước khi Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường được ban hành và có hiệu lực nên phát sinh một số tồn tại.

Trạm quan trắc tự động nội bộ đang trong quá trình hoàn thiện để đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT. Việc hoàn thiện trạm quan trắc nội bộ đã được Ban Quản lý KCNC đưa vào Dự án "Xây dựng hệ thống xử lý nước thải – NMXLNT Giai đoạn II - Module 2 và 3, công suất 8.000 m³/ngày đêm". Hiện tại Dự án nêu trên đang tiến hành xây dựng và dự kiến hoàn thành vào giữa năm 2024.

Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hạn cuối để hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải tự động là tháng 12/2024. Việc hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục (trạm quan trắc nội bộ) là nội dung công việc của dự án nêu trên và sẽ hoàn thành cùng với thời điểm hoàn thành dự án. Do đó, tiến độ hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải tự động nội bộ sẽ đáp ứng đúng quy định của pháp luật.

Hiện tại, trạm quan trắc tự động nội bộ đã tạm dừng hoạt động và bàn giao cho đơn vị thi công NMXLNT Giai đoạn II - Module 2 và 3.

- Trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường

Bên cạnh trạm quan trắc nội bộ của NMXLNT, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đặt trạm quan trắc tại NMXLNT, cụ thể như sau:

+ Danh mục thông số quan trắc:

STT	Thông số quan trắc	QCVN 40:2011/BTNMT
01	Nhiệt độ	40°C
02	pH	6-9
03	TSS	40,5
04	COD	60,75
05	Lưu lượng	-

+ Vị trí đặt hệ thống: sau hồ sinh thái hiện hữu, trước khi xả thải ra môi trường.

+ Mục đích: Sở Tài nguyên và Môi trường quan trắc tự động, liên tục giám sát chất lượng nước thải sau xử lý của NMXLNT tập trung trước khi xả thải ra môi trường.

e) Tình trạng hoạt động của trạm

- Trạm quan trắc tự động nội bộ:

Trong quá trình hoạt động, trạm quan trắc tự động nội bộ thường gặp các tình trạng như: các kết quả đo bị sai lệch do các đầu cảm biến bị bẩn, các đầu cảm biến bị hỏng. Để khắc phục các tình trạng nêu trên NMXLNT tập trung tổ chức vệ sinh các cảm biến định kỳ, thực hiện việc hiệu chuẩn các cảm biến.

Trạm hoạt động liên tục 24/24.

- Trạm quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Trạm quan trắc tự động được Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường vận hành. Hiện tại, Ban Quản lý KCNC chỉ được xem kết quả trực tiếp trên hệ thống online của Sở Tài nguyên và Môi trường và nhận các kết quả được Sở Tài nguyên và Môi trường gửi về.

f) Nhận xét kết quả quan trắc

Các kết quả của trạm quan trắc tự động nội bộ đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$.

g) Kết luận

Hiện tại trạm quan trắc tự động nội bộ của NMXLNT vẫn chưa kết nối truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường nên chưa thể đánh giá được mức độ đầy đủ của dữ liệu thu nhận.

Đối với trạm quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KCNC chỉ được xem kết quả trực tiếp trên hệ thống online của Sở Tài nguyên và Môi trường và nhận các kết quả được Sở Tài nguyên và Môi trường gửi về nên không thể đánh giá được mức độ đầy đủ của dữ liệu thu nhận.

- Công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Hàng năm, Ban Quản lý KCNC đều thực hiện các nội dung để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, cụ thể:

+ Đối với hoạt động của NMXLNT: thực hiện duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị và có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường để đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định nhằm tiếp nhận toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCNC, xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra ngoài môi trường.

+ Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong KCNC: Ban Quản lý KCNC tổ chức kiểm tra định kỳ về hoạt động bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp (2 đợt/năm) nhằm kịp thời hướng dẫn, phát hiện để kịp thời xử lý các sự cố môi trường có thể phát sinh tại các doanh nghiệp. Nhìn chung các doanh nghiệp đều tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp trong quá trình hoạt động có thời điểm kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra vượt Tiêu chuẩn quy định đầu vào của NMXLNT nhưng các trường hợp này đã được khắc phục nhanh chóng ngay sau đó.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình quản lý công tác bảo vệ môi trường trong KCNC, Ban Quản lý KCNC còn gặp một số khó khăn vướng mắc như sau:

a) Về hồ sơ thủ tục pháp lý liên quan công tác bảo vệ môi trường của KCNC

Qua nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022, Ban Quản lý KCNC gặp một số vướng mắc liên quan đến việc thực hiện hồ sơ thủ tục môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC”. Do đó, Ban Quản lý KCNC đã có Công văn số 1184/KCNC-QHXDMT ngày 12 tháng 10 năm 2022 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị hướng dẫn thủ tục môi trường đối với Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC” (Công văn số 1184/KCNC-QHXDMT), theo đó Ban Quản lý KCNC đã có báo cáo chi tiết các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến hướng dẫn Ban Quản lý KCNC thực hiện đối với các nội dung chính như sau:

(1) Về việc thực hiện hồ sơ thủ tục môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC” theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

(2) Về việc mở rộng hoạt động của Công ty Nipro Việt Nam (hoạt động sản xuất mở rộng có sử dụng chất phóng xạ Cobalt-60) liên quan đến thủ tục môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC”.

(3) Về công tác thực hiện quan trắc môi trường xung quanh KCNC theo Quyết định số 2305/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC – Giai đoạn II, diện tích 587,07 ha”.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, Ban Quản lý KCNC tiếp tục có Công văn số 77/KCNC-QHXDMT gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về đề nghị hướng dẫn thủ tục môi trường đối với Dự án KCNC theo Công văn số 1184/KCNC-QHXDMT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ban Quản lý KCNC (Công văn số 77/KCNC-QHXDMT.)

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, Ban Quản lý KCNC đã có Công văn số 821/KCNC-QHXDMT gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc kiến nghị chấp thuận chủ trương thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với Dự án KCNC.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Phiếu chuyển số 1780/PC-VP gửi Sở Tài nguyên và Môi trường “xem xét, xử lý theo chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật”.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Thông báo số 657/TB-VP kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Võ Văn Hoan tại buổi họp nghe báo cáo về khó khăn, vướng mắc trong triển khai Dự án sản xuất quả lọc máu của Công ty Nipro (Nhật Bản) tại KCNC, trong đó tại Mục 3 – Về việc thực hiện thủ tục đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường “*Giao Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Phiếu chuyển số 1780/PC-VP ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về kiến nghị chấp thuận chủ trương thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC” của Ban Quản lý KCNC; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 30 tháng 8 năm 2023*”.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 7672/BTNMT-MT về việc thủ tục môi trường đối với Dự án KCNC trong đó “*..Đối với trường hợp KCNC là trường hợp đang hoạt động, việc bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư được thực hiện theo quy định về cấp, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*”.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 9082/STNMT-CCBVMT về việc ý kiến liên quan đến kiến nghị chấp thuận chủ trương thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC” (Công văn số 9082) có nêu “*đối với thủ tục cấp giấy phép môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định chủ dự án đầu tư, cơ sở có nghĩa vụ nộp phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường); không quy định định mức chi phí lập hồ sơ*”.

Theo đó, Ban Quản lý KCNC đã rà soát và dự thảo nội dung kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương được sử dụng nguồn chi phí từ gói thầu của Dự án “Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Giai đoạn II – Module 2, 3 công suất 8.000 m³/ngày đêm” theo Quyết định số 159/QĐ-KCNC ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ban Quản lý KCNC để lập hồ sơ xin cấp phép môi trường của Dự án KCNC. Tuy nhiên, quá trình kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hồ sơ giấy phép môi trường theo quy định và thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải Giai đoạn II – Module 2, 3.

b) Về công tác thực hiện quan trắc môi trường xung quanh KCNC

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 106 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

“2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải ra môi trường phải thực hiện quan trắc theo quy định tại Điều 111 và Điều 112 của Luật này.”

- Khoản 6 Điều 109 Trách nhiệm quan trắc môi trường: “UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn, báo cáo Hội

đồng nhân dân cùng cấp, Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả quan trắc môi trường hàng năm.”

Theo các quy định trên, Ban Quản lý KCNC chỉ thực hiện quan trắc nước thải tại đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao trước khi xả ra ngoài môi trường, không thực hiện quan trắc môi trường, cụ thể như quan trắc nước ngầm, không khí, nước mặt, thủy sinh, đất, bùn đáy, sạt lở bờ sông và bồi lắng dòng sông.

Tuy nhiên theo khoản 2 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “2. Ban quản lý khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp tổ chức xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.”. Để thực hiện được báo cáo công tác bảo vệ môi trường, Ban Quản lý KCNC cần có kết quả quan trắc môi trường, cụ thể kết quả quan trắc đất, không khí, nước mặt, nước dưới đất, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt.

c) Về đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Từ khi Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường cho đến nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa ban hành bộ đơn giá quan trắc thay thế cho bộ đơn giá quan trắc được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2015. Do đó, Ban Quản lý KCNC chưa có cơ sở để lập dự toán kinh phí để lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải, khí thải phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp.

Ban Quản lý KCNC đã có Công văn số 710/KCNC-QHXDMT ngày 27 tháng 6 năm 2023 gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hướng dẫn áp dụng ban hành đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường. Ngày 24 tháng 7 năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 6755/STNMT-KHTC, theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn áp dụng “*Thông tư 20/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường; Công văn số 1853/BTNMT-KHTC ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến về vướng mắc trong quá trình áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư 20/2017/TT-BTNMT*”. Tuy nhiên, Ban Quản lý KCNC gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng đơn giá khi không có chức năng để tự xây dựng đơn giá cho quan trắc môi trường, do đó cần phải thuê đơn vị bên ngoài để thực hiện công tác này, việc thuê đơn vị xây dựng đơn giá quan trắc lại gặp phải khó khăn về kinh phí để thuê đơn vị xây dựng đơn giá. Đồng thời xét việc tự thuê đơn vị xây dựng đơn giá tốn chi phí nhưng phạm vi áp dụng chỉ cho từng đơn vị riêng lẻ gây lãng phí tiền và không thống nhất giữa các đơn vị trên cùng một địa bàn là Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Về chi thù lao Hội đồng/Tổ thẩm định, Đoàn/Tổ kiểm tra liên quan công tác thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2023, Ban Quản lý KCNC tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh và cấp lại giấy phép môi trường trong phạm vi Khu Công nghệ cao theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên hiện nay chưa có hướng dẫn chi thủ lao Hội đồng/Tổ thẩm định, Đoàn/Tổ kiểm tra và các nội dung khác liên quan đến công tác tổ chức thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Kiến nghị

a) Về hồ sơ thủ tục pháp lý liên quan công tác bảo vệ môi trường của KCNC
Nhằm sớm hoàn thiện về thủ tục hồ sơ môi trường đối với Dự án KCNC, đồng thời tạo điều kiện cho các dự án trong KCNC hoạt động theo đúng tiến độ trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được Ban Quản lý KCNC cấp, Ban Quản lý KCNC kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và có ý kiến đối với đề xuất của Ban Quản lý KCNC đối với việc thực hiện thủ tục giấy phép môi trường của Dự án KCNC.

b) Về công tác thực hiện quan trắc môi trường xung quanh KCNC:

Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo một đầu mối thực hiện quan trắc môi trường và chia sẻ dữ liệu về kết quả quan trắc đất, không khí, nước mặt, nước dưới đất, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt khu vực KCNC để Ban quản lý KCNC thực hiện báo cáo công tác môi trường hàng năm.

c) Về đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố sớm ban hành đơn giá quan trắc môi trường để các đơn vị thực hiện đồng loạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Về chi thủ lao Hội đồng/Tổ thẩm định, Đoàn/Tổ kiểm tra liên quan công tác thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hướng dẫn chi thủ lao Hội đồng/Tổ thẩm định, Đoàn/Tổ kiểm tra và các nội dung khác liên quan đến công tác tổ chức thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

IV. SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

Theo Phụ lục - Bảng 1 và Bảng 2 kèm theo Báo cáo này./.

Nơi nhận:

- UBND TPHCM (để báo cáo);
- Sở TN&MT (để báo cáo);
- Trường ban (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Y.05.

Đính kèm: Phụ lục



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Nghĩa Hiệp



Phụ lục

**BẢNG 1. DANH MỤC CHỈ TIÊU BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ CAO
(VIẾT TẮT LÀ KCNC) KHÔNG THUỘC KHU KINH TẾ**

(Đính kèm Báo cáo số 09 /BC-KCNC ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao)

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích đã đầu tư/ Tổng diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	913,1633 ha	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	112	87,92	Có	4.448,3	9.000	- Trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường: Nhiệt độ, pH, TSS, COD và Lưu lượng. - Trạm quan trắc nội bộ: Nhiệt độ, pH, TSS, COD, DO, Tổng N, Tổng P, Lưu lượng.	3.189,4 tấn và 1.331,3 m ³ (Số liệu dựa trên số lượng Báo cáo CTBVMT năm 2023 mà Ban QLCTDA nhận được từ các doanh nghiệp)	33.746.139,5 (Số liệu dựa trên số lượng Báo cáo CTBVMT năm 2023 mà Ban QLCTDA nhận được từ các doanh nghiệp)	8.891.957,7 (Số liệu dựa trên số lượng Báo cáo CTBVMT năm 2023 mà Ban QLCTDA nhận được từ các doanh nghiệp)	Có 01 Hồ Sơ kỹ thuật chứa 17.000 m ³ đang trong quá trình xây dựng	18,8



BẢNG 2. DANH SÁCH CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHỆ CAO
(Đính kèm Báo cáo số 09 /BC-KCNC ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao)

Ghi chú:

Danh mục chủ thích dành cho cột thông tin "Loại hình sản xuất chính" như sau: SX (Sản xuất), SX CNC (Sản xuất Công nghệ cao), SX CNHT (Sản xuất Công nghiệp hỗ trợ), DV CNC (Dịch vụ Công nghệ cao), DV CNHT (Dịch vụ Công nghiệp hỗ trợ), ĐT (Đào tạo), R&D (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển), PTHT (Phát triển hạ tầng), DV DS (Dịch vụ dân sinh), DV HC (Dịch vụ hậu cần).

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Công ty TNHH ABB Automation and Electrification (Việt Nam)		Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành								Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành
2	Công ty TNHH Goomi Ehwa Vina	Quyết định số 3272/QĐ-STNMT-CCBVM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành	Có	Không	Không	Không				Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam	Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 30/03/2021 của Ủy ban nhân dân TP.HCM Giấy phép môi trường số 23/GPMT-UBND ngày 13/4/2023	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT		Có	Không	Không	Không				20
4	Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies	Giấy chứng nhận đăng ký môi trường số 01/2004/MT-KCNC	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT		Có	Không	Không	Không				50
5	Công ty Cổ phần Hệ thống Công nghệ Ánh Lam		Loại hình sản xuất chính: DV CNC	Thuê văn phòng của Tòa nhà Sacom Chíp sáng								Thuê văn phòng của Tòa nhà Sacom Chíp sáng

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	Công ty TNHH Thiên Việt Kỹ thuật				Có	Không	Không	Không				40
7	Công ty TNHH Arevo Việt Nam		Loại hình sản xuất: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH LDT Hi-Tech								Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH LDT Hi-Tech
8	Công ty TNHH Hai thành viên năng lượng Bảo Sơn	Quyết định số 1831/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 30/10/2013 của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	0,6	Có	Không	Không	Không	0,24	0	0	21,54
9	Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Bioland - Nam Khoa	Giấy xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường số 1660/GXN-TNMT-	Loại hình sản xuất chính: SX CNC		Có	Không	Không	Không				20

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 593/UBND của Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức										
10	Chi nhánh công nghệ sinh học - Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 779/QĐ-TNMT-CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC		Có	Không	Không	Không				25

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	Công ty Cổ phần Công nghệ Bioscope		Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech								Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech
12	Công ty Cổ phần Công nghệ Nano BSB - Chi nhánh số 1	Quyết định số 4112/QĐ-UBND	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành	Có	Không		Không				Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành
13	Công ty TNHH MTV Sản xuất và In nhũn Cao Phát Đạt		Loại hình sản xuất chính: DV CNHT	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành								Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
14	Công ty TNHH CCL Design Việt Nam	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 448/UBND của UBND thành phố Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: DV CNHT	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech	Có	Không	Không	Không	12,3	84.408	620	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech
15	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ CMC (Tp Hà Nội)		Loại hình sản xuất chính: DV CNC									
16	Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	Giấy xác nhận Đăng ký BVMT 3549/UBND ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech	Có	Không	Không	Không	35,28 m ³	82	7.988	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech
17	Công ty TNHH CNS Amura Precision	Quyết định số 2845/QĐ STNMT-CCBVMT của	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	22	Có	Không	Không	Không	113,5	8.746	1.444	25

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		Sở TNMT TP.HCM Giấy xác nhận số 3309/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 04/5/2020 của Sở TNMT TP.HCM về xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường										
18	Công ty TNHH Coretronic Việt Nam	Xác nhận đăng ký môi trường số 880/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân phường Tân Phú	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech	Có	Không	Không	Không				Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech
19	Công ty Cổ phần CTC Bio Việt Nam	Quyết định số 28/QĐ-KCNC ngày 14/02/2015	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	10,8	Có	Không	P<20.000	Không	100,44 m ³	21.246	1.288	20,3

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		của Ban Quản lý KCNC TP.HCM										
20	Công ty TNHH MTV Daeyoung Electronics Vina	Quyết định số 2460/QĐ-UBND	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT		Có	Không	Không	Không				32,71
21	Công ty TNHH Daihan Vina	Quyết định số 2121/QĐ-STNMT-CCBVMT của Sở TNMT	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	27,6	Có	Không	Không	Không	7,9	23.777	849,5	
22	Công ty TNHH Kỹ thuật Daikou Việt Nam	Quyết định số 2010/QĐ-TNMT-CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	2,3	Có	Không	Không	Không	25,4	7.128	2.596	10
23	Công ty TNHH Datalogic Việt Nam	Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC		Có	Không		Không				50

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
24	Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S	Giấy chứng nhận đăng ký môi trường số 01/GCN-KCNC của Ban Quản lý KCNC TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	1,8	Có	Không	Không	Không	0,2	0	185	40
25	Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3080/QĐ-STNMT-CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM; Quyết định các nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1927/QĐ-	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	32,8	Có	Không	25.058	Không	25	31.762	5.746	21,48

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		STNMT-CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM										
26	Công ty TNHH Double Star New Materials Việt Nam		Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành								Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành
27	Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	Quyết định số QĐ 58/STNMT-CCBVMT	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	0,05	Có	Không	Không có số liệu trong Báo cáo CTBVMT	Không	41,2	2.777	918	18
28	Công ty TNHH Công nghệ cao EPS Vina	Quyết định số 284/QĐ-STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư nhà	Có	Không		Không				Thuê nhà xưởng Công ty TNHH Đầu tư nhà



[illegible]

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	FPT tại TP.HCM (Campus)											
34	Công ty TNHH Phần mềm FPT Hồ Chí Minh – Tòa nhà Ftown 1	Giấy xác nhận Đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 1116/UBND ngày 06/8/2007 của Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: DV CNC	66	Có	Không	Không	Không	638,3	0	2.961	28
35	Công ty TNHH Phần mềm FPT Hồ Chí Minh – Tòa nhà Ftown 2	Quyết định số 1229/QĐ-TNMT-CCBVM của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: DV CNC	Báo cáo chung tòa Ftown 1	Có	Không	Không	Không	Báo cáo chung tòa Ftown 1		Báo cáo chung tòa Ftown 1	28
36	Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ FPT	Sử dụng chung hạ tầng với Công ty TNHH Phần mềm FPT Hồ Chí Minh	Loại hình sản xuất chính: DV CNC	Sử dụng chung hạ tầng với Công ty TNHH Phần mềm	Sử dụng chung hạ tầng với Công ty TNHH Phần mềm FPT Hồ Chí Minh – Toàn Ftown 1							Sử dụng chung hạ tầng với Công ty TNHH Phần mềm

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m³/ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
				FPT Hồ Chí Minh					-			FPT Hồ Chí Minh
37	Công ty TNHH Phần mềm FPT Hồ Chí Minh – Tòa nhà Ftown 3	Quyết định số 2413/QĐ-STNMT-CCBVMТ của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: DV CNC		Có	Không	Không	Không		0	Báo cáo chung tòa Ftown 1	49,85
38	Công ty TNHH Goomi Ehwa Vina		Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành								Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành
39	Công ty TNHH Công nghệ G7	Dự án chưa triển khai	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng công ty TNHH TLD Hi-Tech								Thuê nhà xưởng công ty TNHH TLD Hi-Tech

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m³/ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
40	Công ty TNHH Genbyte Technology (Việt Nam)	Quyết định số 3186/QĐ-UBND	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành	Có	Không		Không				Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành
41	Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Công nghệ Bán dẫn Toàn cầu Việt Nam (GES)		Loại hình sản xuất chính: SX CNC									
42	Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghệ tự động Hải Nam	Giấy xác nhận số 02/GXN-KCNC-QHXDMT	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT		Có	Không	Không	Không				20,9
43	Công ty TNHH Hanmega Vina	Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 1376/UBND của	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu	Có	Không	Không	Không	0	0	0	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức		tư nhà xưởng Lập Thành								Đầu tư nhà xưởng Lập Thành
44	Công ty TNHH MTV Nhà máy Công nghệ Sinh học và Thiết bị y tế	Quyết định số 204/QĐ-KCNC của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	4,4	Có	Không	Không	Không	7,8	0	18	30
45	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ tin học HPT		Loại hình sản xuất chính: R&D - ĐT									
46	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Công Nghệ Cao Hutech	Chưa có Giấy phép môi trường	Loại hình sản xuất chính: R&D - ĐT	26,08	Có	Không	3.100	Không	3,2	0	150	
47	Trường Đại Học Công Nghệ Thành Phố Hồ	Quyết định số 182/QĐ-KCNC	Loại hình sản xuất chính:	43	Có	Không	Không	Không	4,9	Không	25	25%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Chí Minh – Trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao	Chưa có Giấy phép môi trường	R&Đ – ĐT									
48	Công ty TNHH Intel Products Việt Nam	Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX	384	Có	Không	65.541	Không	230,9	1.779.435	127.747	25
49	Công ty TNHH Jabil Việt Nam	Giấy phép môi trường số 29/GP-UBND ngày 25/4/2023 của Ủy ban nhân dân TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX	214,7	Có	Không	<20.000	Không	214.722	9.980.303	604.818	21
50	Công ty TNHH JV Vina	Đăng ký môi trường số 2860 ngày 15/9/2022 tại Ủy ban Nhân dân	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	3,5	Có	Không	Không	Không	0,12	1.958	4	20,3

[illegible]

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
54	Công ty TNHH Đầu Tư Nhà Xưởng Lập Thành (Lô I15)	Quyết định số 2877/QĐ/STNMT/CCBVM	Loại hình sản xuất chính: PHTT		Có	Không	Không	Không				13,87
55	Công ty TNHH Đầu Tư Nhà Xưởng Lập Thành (Lô I10)	Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 1948/UBND	Loại hình sản xuất chính: PHTT		Có	Không	Không	Không				20,3
56	Công ty TNHH Makino Việt Nam		Loại hình sản xuất chính: DV CNC									
57	Công ty Cổ phần Nhà máy thiết bị y học và vật liệu sinh học	Quyết định số 713/QĐ-TNMT của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	4	Có	Không	Không	Không	48 m ³	100	100	21,55
58	Công ty TNHH Mekophar	Quyết định số 721/QĐ-TNMT-CCBVM của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	4	Có	Không	1.560	Không	23,9	1.784	1.484,9	35

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4307/GXN-STNMT-CCBVM ngày 02/6/2022 của Sở TNMT										
59	Công ty TNHH MTV Microchip Technology (Việt Nam)		Loại hình sản xuất chính: DV CNC	Thuê văn phòng của Toà nhà Sacom Chíp sáng								Thuê văn phòng của Toà nhà Sacom Chíp sáng
60	Công ty Cổ phần Công Nghiệp Hồ Trạ Minh Nguyên		Loại hình sản xuất chính: SX CNHT									
61	Công ty TNHH Misan Vina		Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu								Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
				tư nhà xưởng Lập Thành								Đầu tư nhà xưởng Lập Thành
62	Công ty TNHH Misumi Việt Nam		Loại hình sản xuất chính: DV CNC	Thuê văn phòng của Toà nhà Sacom Chíp sáng								Thuê văn phòng của Toà nhà Sacom Chíp sáng
63	Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn MK	Xác nhận cam kết bảo vệ môi trường số 1508/UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	7,19	Có	Không	Không	Không	15,2	4.755	802	33,3
64	Công ty Cổ phần Thông Minh MK	Dùng chung hạ tầng với Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn MK	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Dùng chung hạ tầng với Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn MK								
65	Công ty TNHH Micro Precision		Loại hình sản xuất	Thuê văn phòng của								Thuê văn phòng



TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Calibration Việt Nam		chính: DV CNC	Toà nhà Sacom Chíp sáng								của Toà nhà Sacom Chíp sáng
66	Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen	- Quyết định phê duyệt báo cáo tác động môi trường số 464/QĐ-STNMT-CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM - Giấy các nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 889/GXN-STNMT-	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	64,7	Có	Không	Doanh nghiệp không quan trắc chỉ tiêu lưu lượng	Không	36,2	3.836	6.394	70

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM										
67	Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen - Trung tâm nghiên cứu Dược phẩm Công nghệ sinh học Giai đoạn 2	Quyết định phê duyệt báo cáo tác động môi trường số 313/QĐ-KCNC ngày 17/12/2015 của Ban Quản lý KCNC TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: R&Đ	53,8	Có	Không	62,5	Không	74,5	80	1.720	75
68	Trung Tâm ứng dụng tiên bộ Khoa học và Công nghệ		Loại hình sản xuất chính: R&Đ									
69	Công ty TNHH Neuromeka		Loại hình sản xuất chính: R&Đ	Thuê văn phòng của Công ty TNHH Ascendas Saigon Bund								Thuê văn phòng của Công ty TNHH Ascendas Saigon Bund

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m³/ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
70	Công ty TNHH New - Hanam		Loại hình sản xuất chính: SX CNHT									
71	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP.HCM	Không có	Loại hình sản xuất chính: PTHT	Không	Không	Không	Không	Không				50
72	Công ty TNHH Nidec Precision Việt Nam (Công ty TNHH Nidec Copal Precision Việt Nam đổi tên)	Quyết định số 749/QĐ-TNMT-QLMT ngày 03/10/2010 của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Doanh nghiệp không báo cáo số liệu lưu lượng	Có	Không	Doanh nghiệp không cung cấp đủ số liệu (file scan báo cáo BVMT bị thiếu)	Không	85,4	103.454,5	45.852	21,69
73	Công ty TNHH Nidec Instruments (Việt Nam) (Công ty TNHH Nidec)	Quyết định số 3568/QĐ-STNMT-CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	176,3	Có	Không	663.592	Không	528,4	657.211	1.9550.602	17,29

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Sankyo (Việt Nam) đổi tên)											
74	Công ty TNHH MTV Nidec Seimitsu Việt Nam		Loại hình sản xuất chính: SX CNC									
75	Công ty TNHH Nidec Advanced Motor (Việt Nam) (Công ty TNHH Nidec Servo (Việt Nam) đổi tên)	Giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường số 511/UBND ngày 10/3/2008 của	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	120	Có	Không	32.192	Không	96,5	1.886.215	776.867	23,74
76	Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	Giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường số 1592/UBND ngày 10/11/2008 của Ủy ban nhân dân TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	273,51	Có	Không	Doanh nghiệp không quan trắc chỉ tiêu lưu lượng	Không	242,8	175.771	4.289.106	28
77	Công ty TNHH Nipro Việt Nam	Quyết định số 737/QĐ-	Loại hình sản xuất		Có	Không	37,5	Không				25,44

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m³/ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		BTNMT của Bộ TNMT	chính: SX CNC									
78	Công ty TNHH Novas EZ Việt Nam		Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành								Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành
79	Chi nhánh Công ty Cổ phần Oristar	Quyết định số Số 2172/QĐ-STNMT-CCBVTMT ngày 18/8/2016 của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	7	Có	Không	Không	Không	3,5	1.680	141	20,14
80	Công ty TNHH Pec Manufacturing	Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng Công ty TNHH TLD Hi-Tech (nhà xưởng 3)	Có	Không	Doanh nghiệp không quan trắc thông số lưu lượng	Không	28,5	1.962	48	Thuê nhà xưởng Công ty TNHH TLD Hi-Tech (nhà xưởng 3)

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
85	Công ty Cổ phần Powercentric		Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech								Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech
86	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam – Trạm cấp khí CNG Samsung		Loại hình sản xuất chính: SX CNHT									
87	Công ty Cổ phần Quốc tế Quang Điện	Quyết định số 2773/QĐ-TNMT của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC		Có	Không	Không	Không				
88	Công ty TNHH Rockwell Automation Việt Nam		Loại hình sản xuất chính: DV CNC	Thuê văn phòng của Tòa nhà Sacom Chíp sáng		Không	Không	Không				Thuê văn phòng của Tòa nhà Sacom Chíp sáng
89	Công ty TNHH MTV Dịch vụ	Giấy xác nhận Kế hoạch BVMT	Loại hình sản xuất	9,2	Có	Không	Không	Không	0,14	0	18	50,37

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Phân phối Ryobi (Việt Nam)	số 3192/UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức	chính: DV HC									
90	Công ty TNHH Eurofins Sacs ký Hải Đăng	Quyết định số 13/QĐ-KCNC của Ban Quản lý KCNC TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: R&D		Có	Không		Không				60
91	Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 1678/UBND và Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường bổ sung số 148/UBND của Phòng TNMT Tp Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: Dịch vụ cho thuê văn phòng	59	Có	Không	Không	Không	1.044 m ³	0	104	14,72



 Ủy ban nhân dân
 Thành phố Thủ Đức

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m³/ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
92	Công ty TNHH Điện Tử Samsung HCMC CE Complex	Quyết định số 146/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 19/01/2017 của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	871,2	Có	Không	424.627	Không	309,9	23.477.440	690.860	20
93	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Giấy phép môi trường số 27/UBND-GPMT ngày 24/4/2023 của UBND TP. Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	442,3	Có	Không	36.706	Không	54,6	115.200	241.531	44,27
94	Công ty TNHH Schneider Electric Manufacturing Việt Nam	Quyết định số 305/QĐ-KCNC ngày 05/12/2015 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	29	Có	Không	Không	Không	24,5	115.401	1.987	

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
95	Trung tâm Đào tạo Khu Công nghệ cao	Không có	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý KCNC TP.HCM		Có	Không	Không	Không				70
96	Công ty TNHH MTV Seen Miền Nam		Loại hình sản xuất chính: R&D		Có	Không	Không	Không				10
97	Công ty TNHH Sản xuất Công nghệ Sinh học Diagnosis F	Chưa có	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của công ty TNHH TLD Hi-Tech	Có	Không	Không	Không	Không có số liệu báo cáo (Doanh nghiệp gửi bản scan thiếu)	Không có số liệu báo cáo (Doanh nghiệp gửi bản scan thiếu)	53	Thuê nhà xưởng của công ty TNHH TLD Hi-Tech
98	Công ty TNHH Sonion Việt Nam	Quyết định phê duyệt Báo cáo tác động môi trường số	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	136,7	Có	Không tách đầu nối. Công ty có lập	12.200	Không	211	106.686	60.447	24,86

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		1235/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân TP.HCM				đặt hệ thống quan trắc tự động, thông số quan trắc: pH, COD, TSS, tổng Nito, tổng Photpho						
99	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh	Giấy xác nhận Đăng ký môi trường số 08/GCN-KCNC của Ban Quản lý KCNC TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	3,5	Có	Không	2.074	Không	22,4	110	782	40
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uniclound – Chi Nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đang trong quá trình phê duyệt Kế hoạch bảo vệ môi trường	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Chưa xả thải	Có	Không	Không	Không				Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Phát triển Khu

[illegible]

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
104	Công ty TNHH Thế giới Gen		Loại hình sản xuất chính: SX CNC									
105	Công ty TNHH Citares (Trung tâm Đào tạo Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Citres)	Dự án thuộc Công ty TNHH Thiên Việt Kỹ thuật	Loại hình sản xuất chính: ĐT									
106	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư TLD	Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 2265/UBND	Loại hình sản xuất chính: DV DS		Có	Không	Không	Không				20
107	Công ty TNHH TLD Hi-Tech	Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân phường Tân Phú tiếp nhận Đăng ký môi trường thông qua văn bản số	Loại hình sản xuất chính: PTHH	59,4	Có	Không	Không	Không	13,3	Không	48,5	22,71

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		333/UBND ngày 10/11/2022										
108	Công ty TNHH Công Nghiệp Tohin Việt Nam	Đã rút Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Loại hình sản xuất chính: SX CNC									
109	Vườn ươm doanh nghiệp Công nghệ cao	Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường số 2573/UBND của Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý KCNC TP.HCM		Có	Không	Không	Không				28,71
110	Công ty TNHH Ascendas Saigon Bund	Quyết định số 187/QĐ-STNMT-CCBVM của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: PTHT		Có	Không	Không	Không				30,01
111	Công ty TNHH MTV Transimex	Doanh nghiệp không báo cáo thông tin này	Loại hình sản xuất	170	Có	Không	Không	Không	5,18	0	71	

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Hi Tech Park Logistics		chính: DV HC									
112	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị y tế USM Healthcare	Quyết định số 1306/QĐ-STNMT-CCBVMТ của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC		Có	Không	Không	Không				20
113	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu và Chế tạo khuôn mẫu độ chính xác cao Viedam (VMR)	Quyết định số 135/QĐ-KCNC ngày 04/8/2014 của Ban Quản lý Khu CNC TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNHT	6,6	Có	Không	Không	Không	0,4	2.148	2.000	40
114	Chi nhánh phía Nam - Viện Dầu khí Việt Nam - Toà nhà văn phòng Viện Dầu khí	Giấy chứng nhận đăng ký bảo vệ môi trường số 749/UBND do Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức cấp	Loại hình sản xuất chính: R&Đ		Có	Không		Không				40

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
115	Phân Viện Vật liệu xây dựng miền Nam	Quyết định số 780/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 30/7/2012 của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: R&Đ	Doanh nghiệp không báo cáo số liệu này	Có	Không	Không	Không	6,5	730	50	20
116	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet – Trung tâm Công nghệ hàng không Vietjet	Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 2847/UBND của Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: ĐT		Có	Không	Không	Không				50,98
117	Công ty TNHH Vivian Shuim		Loại hình sản xuất chính: PTHT									
118	Công ty Cổ phần Wakamono	Quyết định số 1472/QĐ-STNMT-CCBVMT của Sở TNMT TP.HCM	Loại hình sản xuất chính: SX CNC	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech	Có	Không	Không	Không	17	310	165	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-Tech

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m³/ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
119	Công ty Cổ phần Nhà Máy Wembley Medical	Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1837/QĐ-STNMT-CCBVM.T.	Loại hình sản xuất chính: Sản xuất Công nghệ cao	9,9	Có	Không	2.232	Không có	7,9	605	95	20
120	Công ty Cổ phần Echigo Việt Nam	Giấy phép môi trường số 668/GPMT-STNMT-CCBVM.T ngày 24/5/2023 của Sở TNMT	Loại hình sản xuất chính: Sản xuất Công nghệ cao	1,5	Có	Không	Không	Không	14	2.480	30	
121	Công ty TNHH FAB9-EMS Việt Nam	Không có thông tin trong Báo cáo CTBVM.T năm 2023	Loại hình sản xuất chính: Sản xuất Công nghệ cao	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TLD Hi-tech	Có	Không	Doanh nghiệp không quan trắc thông số lưu lượng	Không	Doanh nghiệp báo cáo không rõ số liệu	Doanh nghiệp báo cáo không rõ số liệu	1.461	

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
122	Công ty TNHH Samil Pharmaceutical	Giấy phép môi trường số 6878/GPMT-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức	Loại hình sản xuất chính: Sản xuất Công nghệ cao	57,1	Có	Không	2.475	Không	21,3	0	0	

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

